

BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

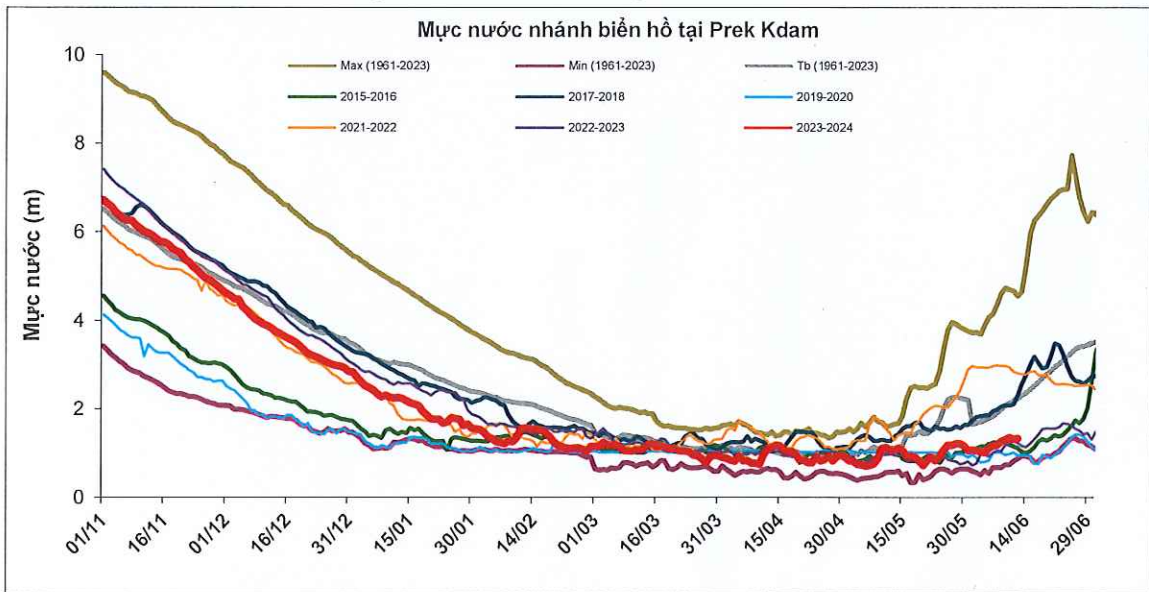
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIẾT NĂM 2023-2024 (Tuần từ 14/06/2024 – 20/06/2024)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước trên nhánh sông chảy vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 12/6 ở cao trình 1,34 m, thấp hơn TBNN khoảng 0,91 m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ (Nguồn: MRC)

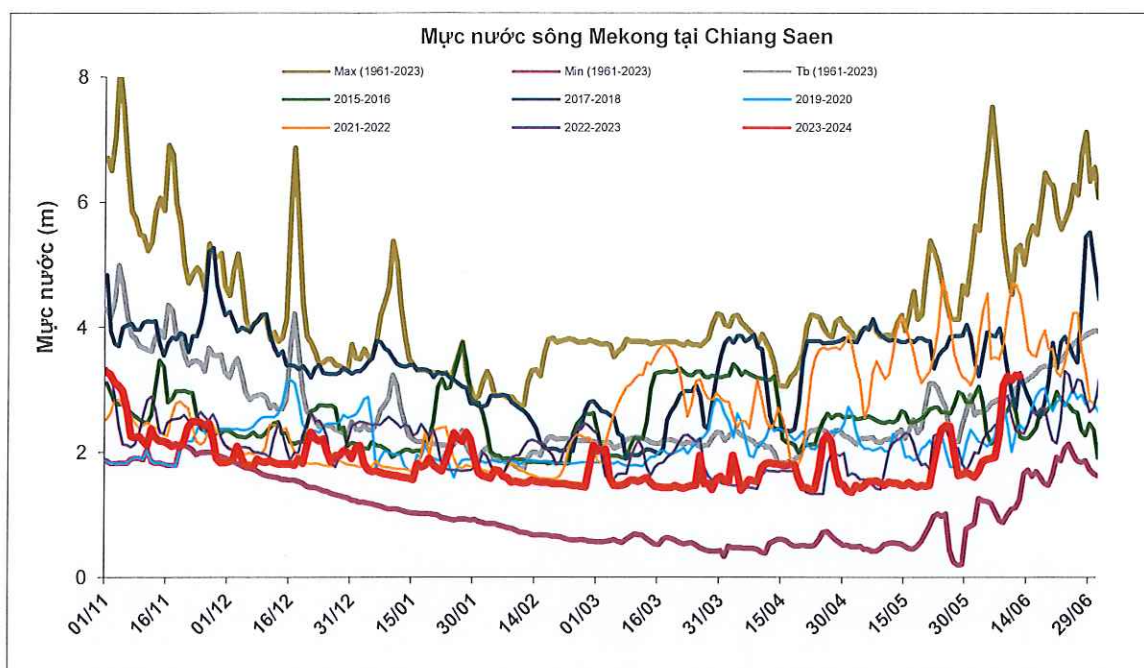
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: So sánh mực nước* các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

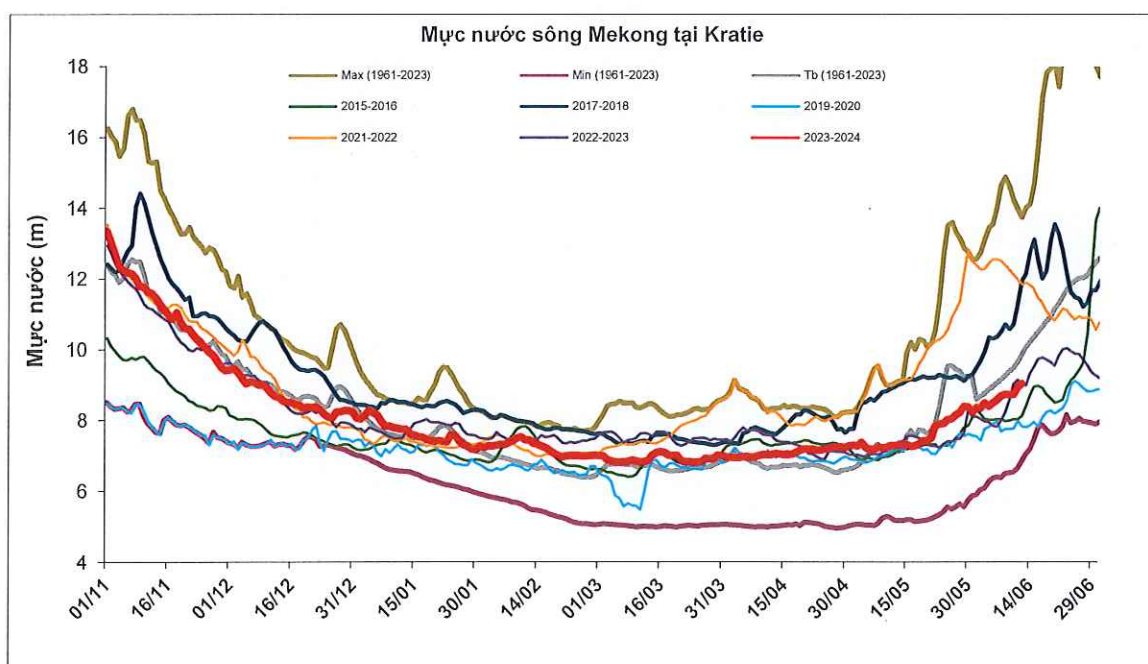
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 12/6/2024	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m ³) so với một số năm cùng thời điểm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
			Năm TB	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2017-2018	2015-2016
Chiang Saen*	m	3,22	+0,14	+0,89	-1,29	+0,78	-0,05	+0,97
Kratie*	m	9,05	-0,82	+0,02	-2,79	+1,22	-2,91	+0,92
Prekdam*	m	1,34	-0,91	+0,11	-1,47	+0,39	-0,97	+0,23
Dung tích hồ	Tỷ m ³	1,23	-0,75	-0,05	-3,74	+0,02	-1,60	+0,05

Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-/+) là thấp/cao hơn
(Nguồn: MRC)

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 12/6/2024 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan (Nguồn: MRC)



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie (Nguồn: MRC)

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 12/6/2024	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
		TB (2010-2022)	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2015-16
Tân Châu	1,13	-0,03	-0,06	-0,59	+0,23	-0,28	+0,25
Châu Đốc	1,30	+0,05	0,00	-0,47	+0,25	-0,18	+0,32
Mỹ Thuận	1,02	+0,10	0,00	-0,24	+0,20	-0,05	+0,31
Cần Thơ	1,06	+0,08	-0,04	-0,30	+0,20	-0,01	+0,27

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công phụ thuộc khá lớn vào mưa trên lưu vực, lưu lượng điều tiết từ các hồ chứa thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: tính đến 07 giờ ngày 12/6/2024, mực nước tại Kratie ở mức 9,05 m. Mực nước hiện tại cao hơn mực nước mùa khô 2016; 2020; 2023 lần lượt là 0,92 m; 1,22 m và 0,02 m. Tuy nhiên, thấp hơn mực nước TBNN, mực nước mùa khô các năm 2018 và 2022 lần lượt là 0,82 m; 2,91 m và 2,79 m.

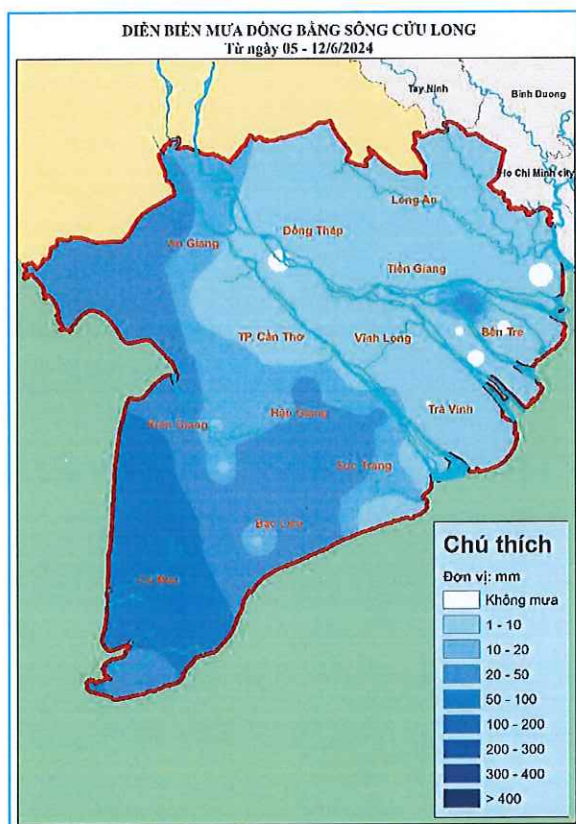
- Tại Biển Hồ: hồ hiện chuyển sang giai đoạn tích nước. Dung tích Biển Hồ hiện tại còn khoảng 1,23 tỷ m³. Hiện tại dung tích Hồ thấp hơn TBNN khoảng 0,75 tỷ m³; thấp hơn năm 2018 khoảng 1,60 tỷ m³; thấp hơn năm 2022 khoảng 3,74 tỷ m³; thấp hơn năm 2023 khoảng 0,05 tỷ m³; cao hơn dung tích năm 2016 và 2020 lần lượt là 0,05 tỷ m³; 0,02 tỷ m³.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 12/6/2024 đạt lần lượt là 1,13 m và 1,30 m. Dự báo xu thế mực nước lớn nhất đầu nguồn DBSCL sẽ giảm và tăng trở lại vào cuối tuần dự báo.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 05 đến 12/6/2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện mưa trên diện rộng với lượng mưa giao động từ 10-30 mm, có nơi lên tới hơn 90 mm (Hình 4).



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên vùng DBSCL (từ ngày 05 đến 12/6/2024)

Dự báo tuần tới có khả năng tiếp tục xuất hiện mưa trên Đồng bằng với vũ lượng khoảng 40-80 mm.

Theo dự báo cập nhật Tháng 5 của Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ (CPC) và Viện Nghiên cứu quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI), các điều kiện trung tính ENSO được dự báo cho ba mùa 3 tháng chồng tiếp theo với khả năng xảy ra ở tháng 5-tháng 7 là 89%, tháng 6-tháng 8 là 71% và tháng 7-tháng 9 là 54%. Vào tháng 8 - tháng 10/2024 rất có thể La Niña sẽ khởi phát mặc dù xác suất xảy ra chỉ là 49%. La Niña sẽ là thống trị trong thời gian dự báo tiếp theo đến tháng 3/2025, với xác suất tháng 9-tháng 11 là 55%, tháng 10-tháng 12 là 61%, tháng 11-tháng 1 là 62%.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 07/06/2024 - 13/06/2024 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu với lưu lượng dao động trong khoảng từ 1.339 m³/s đến 1.570 m³/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết còn 12,8 tỷ m³, tương đương với 53,9% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa trên toàn lưu vực Mê Công còn 31,4%, tương đương với khoảng 20,55 tỷ m³ dung tích nước còn có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024. Tuần qua mưa nhiều nơi trên đồng bằng, có nơi mưa vừa đến mưa to, là nguồn cung cấp nước bổ sung quan trọng góp phần giảm thiệt hại hạn hán và xâm nhập mặn trên đồng bằng.

Hiện dòng chảy về đồng bằng đã có nhiều ảnh hưởng do mưa và vận hành thủy điện. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng mùa kiệt 2023-2024 tại Bảng 3.

Bảng 3: So sánh lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2023-2024 với một số năm

Tháng	Q _{Kratie} (m ³ /s)	So với một số năm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn						
		Năm TB	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2016-17	2015-16
Th.05/2024	3.397	-830	-3	-4.325	+258	-2.573	-3.414	+155
Dự báo Th.06/2024	5.950	-3.067	-400	-5.420	+1.256	-5.325	-7.360	-47

Dòng chảy về đồng bằng trong tháng 6 dự báo cao hơn nhiều so với các tháng mùa khô vừa qua, mùa mưa đã bắt đầu trên đồng bằng, vì vậy xâm nhập mặn giảm nhanh. Trong tuần dự báo, xâm nhập mặn có xu thế giảm và giảm hơn so với tuần trước, mặn xâm nhập trong phạm vi đã được bảo vệ an toàn của các công trình thủy lợi. Dự báo nguồn nước trong tuần như sau:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ nguồn nước về thuận lợi hơn cho bơm tưới và phát triển sản xuất.

- Vùng giữa và khu vực ven Biển Đông ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, mặn đạt đỉnh vào kỳ 10/3-13/3 với ranh mặn 4 g/l vào sâu 50-65 km. Trong tuần dự báo, mặn tiếp tục giảm thấp. Ranh giới mặn 4 g/l vào sâu nhất trên các cửa sông phổ biến trong phạm vi 23-28 km. Các địa phương ổn định sản xuất và giám sát mặn chặt chẽ mỗi khi lấy nước tưới để đảm bảo an toàn cho sản xuất.

- Khu vực ảnh hưởng mặn sông Cái Lớn, Cái Bé thuộc các tỉnh Kiên Giang và

Hậu Giang. Diện tích sản xuất vụ hè thu tăng nhanh làm gia tăng nhu cầu nước trong vùng, điều đó có thể làm mặn 4g/l còn duy trì kéo dài ở khu vực Gò Quao, cần vận hành hợp lý hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé để kiểm soát mặn trong vùng. Trong tuần dự báo, mặn còn duy trì cao, các địa phương ở Hậu Giang vận hành hợp lý các công trình đảm bảo nước cho sản xuất.

Trong tuần dự báo từ 14/06 đến 20/06/2024, dự báo mặn tiếp tục giảm, chiều sâu xâm nhập mặn 4 g/l khi cao nhất các cửa sông chính Cửu Long phổ biến ở mức 23-28 km. Các địa phương ven biển vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, tưới và tiêu thoát nước hợp lý phục vụ sản xuất an toàn vụ hè thu.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2023-2024

Tổng diện tích đã xuống giống vụ Hè Thu tính đến 7/6 là hơn 1.250 ngàn ha, tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, và rải rác các tỉnh còn lại là Cà Mau và Bến Tre.

Dự báo El Nino đã kết thúc trong tháng 5, tuy nhiên dòng chảy thượng nguồn về bị ảnh hưởng bởi vận hành của các công trình thủy điện, vì vậy cần tiếp tục theo dõi xâm nhập mặn. Tháng 6 dự báo mưa về nhiều thêm, nước bớt căng thẳng, các địa phương ổn định sản xuất đồng thời chủ động các giải pháp ứng phó phòng chống mặn bất thường do vận hành thủy điện phù hợp với điều kiện của vùng:

- Vùng giữa ĐBSCL: Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và lấy nước tưới và tiêu nước hợp lý, cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn khi lấy tưới, nhất là đối với cây ăn quả.

- Vùng ven biển ĐBSCL: Nhìn chung, mặn đã giảm ở khu vực cửa sông với ranh mặn vào sâu phổ biến 23-28 km, nằm trong phạm vi bảo vệ an toàn bởi hệ thống các công trình thủy lợi. Các địa phương tiếp tục giám sát mặn và kiểm soát nguồn nước đảm bảo an toàn sản xuất vụ Hè Thu.

El Nino đã kết thúc, trạng thái ENSO trung tính kéo dài đến tháng 8 trước khi chuyển qua giai đoạn La Nina ở giai đoạn còn lại của năm 2024 và kéo sang tháng 3/2025. Vì vậy, các địa phương có thể yên tâm chủ động sản xuất ổn định ở vụ Hè Thu năm nay, đồng thời tiếp tục giám sát mặn, đề phòng vận hành bất thường các thủy điện thượng nguồn, nước về giảm đột ngột làm mặn tăng bất thường.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Đến nay đã qua các thời kỳ mặn cao điểm nhất đã xảy ra ở nửa đầu tháng 3 và đầu tháng 4. Từ đầu tháng 6 xu thế mặn giảm rõ rệt, xâm nhập mặn nằm trong vùng bảo vệ an toàn bởi các hệ thống thủy lợi, vậy các địa phương ổn định sản xuất vụ hè thu, kiểm tra độ mặn trước khi lấy tưới.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo số 2605/BNN-TL của Bộ NN&PTNT ngày 10/4/2024 về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 11/CT-TTg ngày 1/4/2024 về tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Mặc dù El Nino đã kết thúc, tuy nhiên đề phòng ảnh hưởng do vận hành ở các thủy điện thượng nguồn, các địa phương tiếp tục thực hiện các biện pháp theo chỉ đạo của Chính phủ và của Bộ NN&PTNT, chủ động các giải pháp thích

ứng với hạn hán và xâm nhập mặn, theo dõi cập nhật các bản tin dự báo. 

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



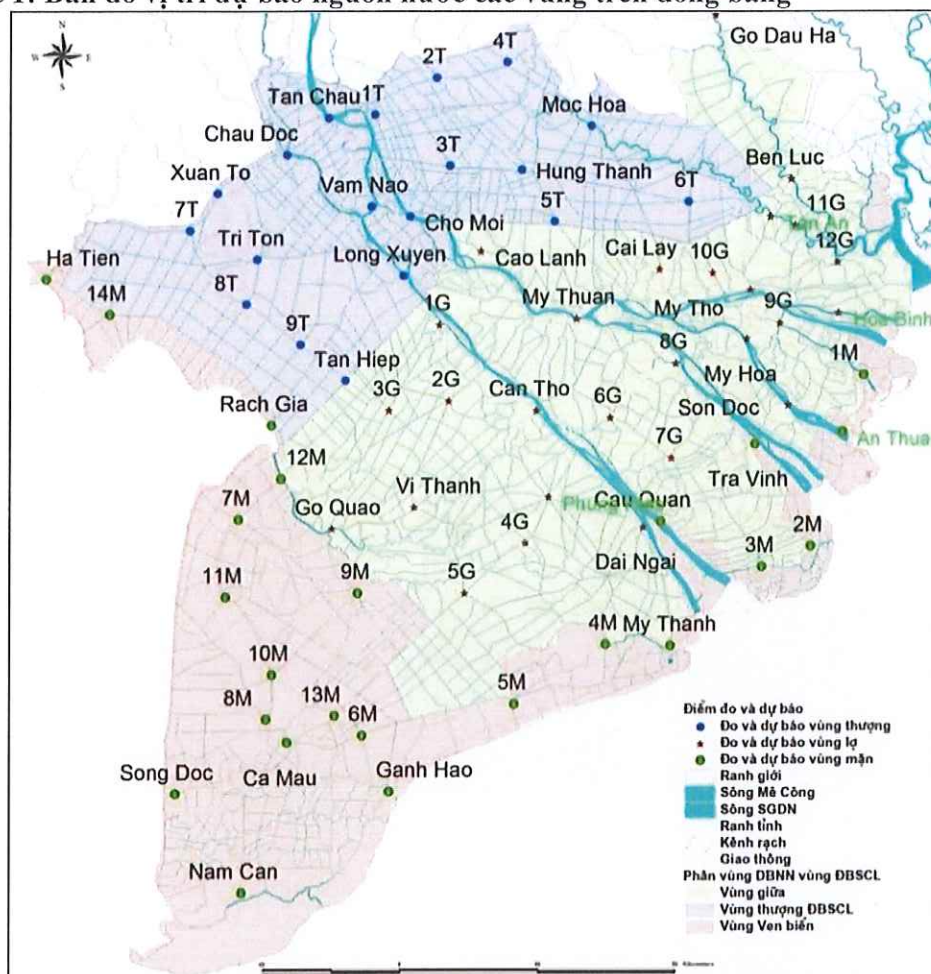
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Trần Văn Thanh

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwtr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng



Phụ lục 2: Cập nhật dự báo mực nước lớn nhất (m) các Vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	0,99	0,95	0,93	0,90	0,91	0,94	0,99	1,04
2	2T	0,69	0,62	0,55	0,48	0,44	0,48	0,55	0,62
3	3T	0,72	0,58	0,51	0,47	0,49	0,55	0,64	0,71
4	4T	0,50	0,46	0,39	0,32	0,26	0,27	0,32	0,37
5	5T	0,83	0,72	0,66	0,62	0,64	0,70	0,75	0,81
6	6T	0,44	0,37	0,31	0,27	0,28	0,33	0,39	0,44
7	7T	0,23	0,21	0,18	0,15	0,14	0,16	0,18	0,20
8	8T	0,23	0,19	0,14	0,12	0,11	0,14	0,17	0,19
9	9T	0,25	0,18	0,12	0,11	0,12	0,15	0,19	0,22
10	Châu Đốc	1,28	1,26	1,25	1,23	1,24	1,27	1,31	1,37
11	Chợ Mới	0,95	0,93	0,90	0,89	0,90	0,93	0,98	1,05
12	Hưng Thạnh	0,61	0,51	0,42	0,36	0,36	0,42	0,49	0,56
13	Long Xuyên	1,05	1,03	1,02	1,01	1,02	1,07	1,15	1,22
14	Mộc hóa	0,41	0,33	0,27	0,23	0,23	0,26	0,32	0,37
15	Tân Châu	1,12	1,09	1,08	1,06	1,05	1,08	1,12	1,16
16	Tân Hiệp	0,49	0,43	0,36	0,36	0,37	0,40	0,44	0,47
17	Tri Tôn	0,35	0,30	0,25	0,23	0,23	0,26	0,29	0,32

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06
18	Vàm Nao	1,10	1,08	1,06	1,04	1,06	1,09	1,13	1,19
19	Xuân Tô	0,20	0,15	0,11	0,09	0,10	0,13	0,17	0,20
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,02	0,99	0,98	0,97	1,00	1,06	1,13	1,23
2	2G	0,64	0,63	0,61	0,61	0,62	0,66	0,71	0,74
3	3G	0,47	0,41	0,29	0,30	0,32	0,37	0,41	0,44
4	4G	0,72	0,70	0,68	0,67	0,69	0,73	0,79	0,85
5	5G	0,62	0,59	0,54	0,45	0,44	0,48	0,53	0,56
6	6G	0,97	0,93	0,91	0,89	0,91	0,94	1,04	1,10
7	7G	0,66	0,60	0,59	0,58	0,72	0,77	0,78	0,75
8	8G	0,96	0,94	0,90	0,89	0,89	0,92	0,97	1,02
9	9G	0,92	0,86	0,83	0,82	0,86	0,92	0,99	1,07
10	10G	0,78	0,76	0,74	0,72	0,71	0,74	0,77	0,81
11	11G	0,64	0,61	0,58	0,56	0,57	0,60	0,63	0,69
12	12G	0,81	0,78	0,73	0,72	0,70	0,73	0,75	0,82
13	Bến Lức	0,93	0,90	0,88	0,87	0,91	0,97	1,02	1,09
14	Cai Lậy	0,92	0,88	0,86	0,84	0,85	0,87	0,92	0,98
15	Cần Thơ	1,04	1,01	0,98	0,98	0,99	1,05	1,13	1,21
16	Cao Lãnh	1,11	1,08	1,04	1,03	1,04	1,08	1,15	1,21
17	Đại Ngãi	1,26	1,22	1,15	1,13	1,12	1,15	1,22	1,34
18	Gò Dầu Hạ	0,41	0,36	0,32	0,31	0,34	0,39	0,47	0,53
19	Gò Quao	0,34	0,30	0,26	0,26	0,28	0,31	0,34	0,36
20	Hòa Bình	0,82	0,78	0,74	0,72	0,71	0,72	0,76	0,80
21	Mỹ Hoà	1,03	1,00	0,96	0,95	0,95	0,96	1,02	1,05
22	Mỹ Tho	1,00	0,96	0,94	0,89	0,90	0,91	0,95	1,00
23	Mỹ Thuận	1,00	0,97	0,93	0,92	0,92	0,95	1,01	1,06
24	Phụng Hiệp	0,84	0,82	0,79	0,79	0,79	0,85	0,93	1,01
25	Sơn Đốc	1,02	1,00	0,97	0,93	0,92	0,92	0,95	1,03
26	Tân An	1,07	1,04	1,00	0,99	0,98	1,02	1,05	1,11
27	Vị Thanh	0,70	0,64	0,55	0,53	0,56	0,61	0,65	0,68
III. Vùng ven biển									
1	1M	0,93	0,90	0,86	0,85	0,82	0,83	0,84	0,88
2	2M	1,06	1,02	1,00	0,95	0,95	0,94	0,99	1,07
3	3M	1,06	1,01	0,99	0,94	0,94	0,93	1,02	1,09
4	4M	1,01	0,99	0,93	0,89	0,88	0,90	0,98	1,08
5	5M	1,12	1,09	1,03	1,02	1,00	1,03	1,10	1,19
6	6M	0,66	0,67	0,66	0,67	0,66	0,71	0,76	0,82
7	7M	0,32	0,27	0,25	0,25	0,26	0,28	0,31	0,33
8	8M	0,62	0,59	0,54	0,49	0,51	0,54	0,57	0,59
9	9M	0,67	0,63	0,56	0,57	0,58	0,61	0,64	0,66
10	10M	0,50	0,46	0,42	0,38	0,39	0,42	0,44	0,47
11	11M	0,46	0,43	0,38	0,36	0,37	0,39	0,41	0,43
12	12M	0,38	0,34	0,35	0,37	0,40	0,45	0,51	0,56
13	13M	0,61	0,59	0,53	0,47	0,45	0,48	0,52	0,54

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06
14	14M	0,20	0,18	0,16	0,12	0,13	0,14	0,15	0,17
15	An Thuận	1,20	1,17	1,13	1,11	1,08	1,11	1,14	1,21
16	Cà Mau	0,66	0,60	0,53	0,53	0,56	0,59	0,63	0,66
17	Cầu Quan	1,09	1,07	1,04	1,00	1,03	1,06	1,15	1,25
18	Gành Hào	1,62	1,60	1,58	1,59	1,58	1,61	1,66	1,74
19	Hà Tiên	0,31	0,26	0,24	0,24	0,25	0,26	0,27	0,29
20	Mỹ Thanh	1,08	1,03	1,00	0,96	0,95	0,96	1,05	1,14
21	Năm Căn	0,95	0,96	1,00	1,00	1,03	1,07	1,11	1,19
22	Rạch Giá	0,21	0,16	0,14	0,15	0,16	0,16	0,17	0,19
23	Sông Đốc	0,62	0,51	0,54	0,57	0,61	0,64	0,68	0,72
24	Trà Vinh	1,25	1,22	1,17	1,15	1,12	1,12	1,17	1,21

Ghi chú:

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo mặn (g/l) trên một số trạm chính vùng ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06
1	Vàm Giồng	< 4	↓	↓	↓	↓	< 4	↑	< 4
2	Trà Vinh	< 4	↓	↓	↓	↓	< 4	↑	< 4
3	Mỹ Hóa	< 1	↓	↓	↓	↓	< 4	↑	< 1
4	Cầu Quan	< 4	↓	↓	↓	↓	< 4	↑	< 4
5	Gò Quao*	6,5	↓	6,2	↑	↑	↑	↑	6,5
6	Đại Ngãi	< 4	↓	↓	↓	↓	< 4	↑	< 4

Ghi chú:

↑ Mặn đang xu thế tăng

↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau

↓ Mặn đang xu thế giảm

↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau

— Mặn ít biến động so với ngày trước đó

Gò Quao*: mặn có thể giảm so với dự báo do vận hành đóng cống Cái Lớn